



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

BẢN SAO

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015 đến ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

H
A
N
O
I
C
O
N
G
T
O
A
N
V
I
E
T
N
A
M

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015 đến ngày 31/12/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015 đến ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Thâm Tuấn	Chủ tịch
Ông Lộc Mậu Triển	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thâm Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Thuận	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGŨ VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Thái Học, Đan Phượng, Hà Nội

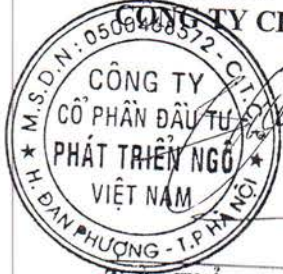
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
đính kèm Báo cáo tài chính
cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015
đến ngày 31/12/2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGŨ VIỆT NAM



Trần Thâm Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 47.91... quyển: 01...SCT/BS

Ngày: 27 -12- 2016



Vũ Thị Nhân

B. C
T. Y
U. U
D. I. N. H
A. M
P.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 84-16/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04/03/2016, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015 đến ngày 31/12/2015 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này. Thủ tục kiểm toán thay thế do chúng tôi thực hiện cũng chưa đảm bảo thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục hàng tồn kho cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty.

HÀ NỘI
KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ
HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	10/02/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		41.377.118.883	53.498.994.055
I. Tiền và các khoản tương đương tiền				
1 Tiền	110	V.01	823.519.204	10.652.180.348
2 Các khoản tương đương tiền	111 112		823.519.204 -	1.952.180.348 8.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.202.568.800	17.776.290.680
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	3.010.670.000	3.941.705.000
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	30.250.000	5.220.000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	161.648.800	13.829.365.680
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	37.351.030.879	25.070.523.027
1 Hàng tồn kho	141		37.351.030.879	25.070.523.027
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		21.064.702.411	22.057.945.258
II. Tài sản cố định	220		13.888.414.913	14.654.891.948
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	7.863.687.599	8.242.621.005
- Nguyên giá	222		13.199.611.436	12.783.842.236
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.335.923.837)	(4.541.221.231)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.07	6.024.727.314	6.412.270.943
- Nguyên giá	228		6.800.000.000	6.800.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(775.272.686)	(387.729.057)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.176.287.498	7.403.053.310
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	7.176.287.498	7.403.053.310
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		62.441.821.294	75.556.939.313

11-11-2015
 M. C. N.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	10/02/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300			
I. Nợ ngắn hạn	310		27.215.718.861	42.563.785.313
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	27.215.718.861	42.563.785.313
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	14.197.197.161	8.384.382.186
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	-	685.500.000
4 Phải trả người lao động	314		159.406.031	1.123.902.785
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	380.078.630	270.395.862
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.976.459.839	384.043.000
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		8.434.904.124	30.258.542.580
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
			2.067.673.076	1.457.018.900
II. Nợ dài hạn	330			
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
			-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		35.226.102.433	32.993.154.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	35.226.102.433	33.000.000.000
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.226.102.433	33.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		33.000.000.000	33.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		33.000.000.000	33.000.000.000
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		560.159.412	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		896.255.059	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		769.687.962	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		769.687.962	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
			-	(6.846.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		62.441.821.294	75.556.939.313

CHỨNG THỰC BẢNG ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 4788 quyền: 01 SCT/BS

Ngày: 27-12-2016

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM

Kế toán trưởng

CÔNG CHỨNG VIÊN

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thắm



Trần Thắm Tuấn

Vũ Thị Nhân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015 đến ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 09/02/2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	80.833.244.000	48.920.759.795
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	171.400.000	175.460.000
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	80.661.844.000	48.745.299.795
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4	56.081.619.604	34.990.794.313
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.580.224.396	13.754.505.482
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	178.893.984	1.054.424.368
7 Chi phí tài chính	22	VI.6	1.704.259.206	715.125.392
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24	VI.8	4.729.524.602	5.230.609.544
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	7.081.409.509	3.319.267.535
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		11.243.925.063	5.543.927.379
11 Thu nhập khác	31		-	-
12 Chi phí khác	32	VI.7	40.736.830	542.409.696
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(40.736.830)	(542.409.696)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		11.203.188.233	5.001.517.683
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.141.627.779
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.203.188.233	3.859.889.904
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.157,26	-

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 4789..... quyển 01.....SC/BS

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Ngày: 27-12-2016

Giám đốc


Nguyễn Thị Hồng Thắm



Vũ Thị Nhân




Trần Thẩm Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

<Theo phương pháp trực tiếp>

Cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015 đến ngày 31/12/2015

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 09/02/2015
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		76.903.063.794	48.249.481.941
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(57.325.400.649)	(57.819.351.419)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.107.950.309)	(5.135.775.880)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(736.426.006)	(3.652.493.136)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.921.275.098	23.704.363.433
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.246.329.856)	(33.265.489.583)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.591.767.928)	(27.919.264.644)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(415.769.200)	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		178.875.984	1.054.424.368
				(236.893.216)	1.054.424.368
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(9.828.661.144)	(26.864.840.276)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.652.180.348	37.517.030.624
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	823.519.204	10.652.190.348

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Kế toán trưởng: **4790** quyền: **01** SCT/BS

Ngày: **27-12-2016**

Giám đốc

(Signature)
Nguyễn Thị Hồng Thắm
PHÒNG CÔNG CHỨNG VŨ NHÀN
H.ĐAN PHƯƠNG - TP. HÀ NỘI



(Signature)
Trần Thắm Tuấn

Vũ Thị Nhàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư Phát triển Ngô được thành lập theo Quyết định số 525/QĐ/BNN/TCCB ngày 10 tháng 03 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc cho phép Viện nghiên cứu Ngô được tách một bộ phận cơ sở vật chất lao động của Viện để thành lập Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư Phát triển Ngô và Quyết định số 40/QĐ-VN-CN-TCHC ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Viện trưởng Viện nghiên cứu Ngô về việc thành lập Công ty. Theo Quyết định số 4311/QĐ-BNN-QLDN ngày 08/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư phát triển Ngô thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500468572 ngày 1/10/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 5 lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 09/02/2015 thì vốn điều lệ của Công ty là **33.000.000.000 đồng** (Ba mươi ba tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực phân phối ngô giống và nghiên cứu khoa học về giống cây trồng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây hằng năm khác;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Xử lý hạt giống để nhân giống./.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Thái Học, TT Phùng, Đan Phượng, Hà Nội
Tel: (84 - 4) 33 627 094 Fax: (84 - 4) 33 627 098

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 10/02/2015 Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại, trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015 đến ngày 31/12/2015 là kỳ đầu tiên Công ty chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
- Máy móc thiết bị	5 - 8
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	8 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 8

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bản quyền tác giả giống Ngô LVN61 do xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian trích khấu hao là 16 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh theo xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị công cụ dụng cụ đánh giá tăng theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

Giá trị lợi thế kinh doanh theo xác định giá trị doanh nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng kể từ ngày Công ty chính thức chuyển đổi hoạt động sang Công ty cổ phần.

Giá trị công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ trong thời gian từ 2 đến 3 năm tài chính đối với chi phí được phân loại là dài hạn vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

28-
TY
HỮU
ĐÌNH
AM
TP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích chi phí bán hàng, chiết khấu thương mại theo quy chế bán hàng của Công ty và chi phí xây dựng mô hình, chi phí sấy, chi phí lương, chi phí vận chuyển đã phát sinh nhưng chưa có đủ hồ sơ, chứng từ kế toán.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn số 3368/QĐ-BNN-QLDN ngày 31/7/2014 và quyết định số 2421/QĐ-DNN-QLDN ngày 25/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo tài chính tại thời điểm Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần (ngày 09/02/2015).

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập, bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp.

Trong kỳ hoạt động, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 08/BB-HĐQT ngày 02/12/2015, theo đó trích quỹ đầu tư phát triển là 5%, quỹ khen thưởng phúc lợi là 7%, quỹ phát triển vùng nguyên liệu là 3%, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 5%; tạm chi cổ tức cho các cổ đông là 15%. Đồng thời đối với lợi nhuận vượt kế hoạch được giao năm 2015, chia thưởng ban điều hành Công ty và Hội đồng quản trị là 30%, chia cho cổ đông là 70%.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán ngô giống và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

HÀNG
GIÁ
HÀ
NOV
11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là khoản chiết khấu thanh toán phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Mặt hàng Công ty kinh doanh là đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ số 21/KHCNCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/04/2015, áp dụng Thông tư số 17/2012/TTLT-BKH-CN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 thì Công ty được ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền	31/12/2015 VND	10/02/2015 VND
Tiền mặt tại quỹ	823.519.204	1.952.180.348
Tiền gửi ngân hàng	437.788.244	203.353.245
VND	385.730.960	1.748.827.103
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	383.215.986	1.746.312.097
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	380.258.136	1.263.326.381
Kho bạc Nhà nước	2.957.850	479.964.716
IAK - Kíp Lào	-	3.021.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Chương Dương	2.514.974	2.515.006
Các khoản tương đương tiền	2.514.974	2.515.006
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sông Nhuệ	-	8.700.000.000
Cộng	-	8.700.000.000
	823.519.204	10.652.180.348



HÀ NỘI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	956.800	-	-
Tạm ứng	160.692.000	-	-
Hoàng Văn Tứ	-	-	3.947.908.680
Đỗ Văn Thành	-	-	986.794.080
Nguyễn Đức Tùng	25.000.000	-	2.603.990.000
Trần Quyết	19.824.000	-	100.000.000
Đặng Hồng Quân	20.000.000	-	236.942.400
Các đối tượng khác	95.868.000	-	-
Dư nợ TK 3388	-	-	20.182.200
Viện Nghiên cứu Ngô	-	-	9.500.000.000
Cộng	161.648.800	-	9.500.000.000
			13.829.365.680

5. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu vật liệu	36.794.208.650	-	17.288.094.550	-
Thành phẩm	556.822.229	-	7.782.428.477	-
Cộng	37.351.030.879	-	25.070.523.027	-

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
				Tổng cộng	
Nguyên giá					
Số dư ngày 10/02/2015	10.159.602.737	2.528.340.999	95.898.500	12.783.842.236	
Đầu tư XDCB hoàn thành	415.769.200	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2015	10.575.371.937	2.528.340.999	95.898.500	13.199.611.436	
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 10/02/2015	3.311.280.153	1.202.275.414	27.665.664	4.541.221.231	
Khấu hao trong kỳ	491.113.584	284.068.367	19.520.655	794.702.606	
Số dư ngày 31/12/2015	3.802.393.737	1.486.343.781	47.186.319	5.335.923.837	
Giá trị còn lại					
Tại ngày 10/02/2015	6.848.322.584	1.326.065.585	68.232.836	8.242.621.005	
Tại ngày 31/12/2015	6.772.978.200	1.041.997.218	48.712.181	7.863.687.599	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.534.588.597 VND.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu

Đơn vị tính: VND

Quyền tác giả giống
ngô lai LVN61

Cộng

Nguyên giá

Số dư ngày 01/01/2015

Số dư ngày 31/12/2015

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư ngày 01/01/2015

Khấu hao trong kỳ

Số dư ngày 31/12/2015

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2015

Tại ngày 31/12/2015

6.800.000.000

6.800.000.000

6.800.000.000

6.800.000.000

387.729.057

387.729.057

387.543.629

387.543.629

775.272.686

775.272.686

6.412.270.943

6.412.270.943

6.024.727.314

6.024.727.314

8. Chi phí trả trước

Dài hạn

Giá trị lợi thế kinh doanh theo xác định giá trị doanh nghiệp

Giá trị CCDC đánh giá tăng theo xác định giá trị doanh nghiệp

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

Cộng

31/12/2015

10/02/2015

VND

VND

6.613.051.732

7.280.423.925

16.012.154

29.560.900

547.223.612

93.068.485

7.176.287.498

7.403.053.310

9. Phải trả người bán

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

Giá trị

Số có khả
năng trả nợ

Giá trị

Số có khả
năng trả nợ

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

Công ty CP Sản xuất &

Xuất nhập khẩu bao bì

Thăng Long

Công ty CP Nông Nghiệp

Chiềng Sung

Viện nghiên cứu Ngô

Cộng

14.197.197.161

14.197.197.161

8.384.382.186

8.384.382.186

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

11/01/2016
 T.Y.
 HỮU
 ĐÌNH
 1/11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Nguyễn Văn Thường

Hồ Sỹ Đức

TT GCT Thái Nguyên

Cộng

	31/12/2015 VND	10/02/2015 VND
	-	282.000.000
	-	88.000.000
	-	315.500.000
	-	685.500.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				31/12/2015
<i>Phải nộp</i>				
Thuế Thu nhập DN	736.426.006	-	736.426.006	-
Thuế Thu nhập cá nhân	139.179.639	204.904.123	184.677.731	159.406.031
Thuế, phí, lệ phí khác	248.297.140	906.135	249.203.275	-
Cộng	1.123.902.785	205.810.258	1.170.307.012	159.406.031

12. Chi phí phải trả

Ngắn hạn

Trích trước chi phí bán hàng

Trích trước xây dựng mô hình

Trích trước chi phí sấy

Trích trước chi phí lương

Trích trước chi phí vận chuyển và chiết khấu thương mại

Cộng

	31/12/2015 VND	10/02/2015 VND
	68.410.000	275.217.000
	77.062.000	59.560.000
	-	49.266.000
	1.637.159.839	-
	193.828.000	-
	1.976.459.839	384.043.000

13. Phải trả khác

Ngắn hạn

Phải trả về cổ phần hóa

Phải trả, phải nộp khác

Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp

Tiền cổ tức phải trả

Lợi nhuận vượt kế hoạch chi cho cổ đông

Quỹ thưởng ban điều hành

Dư có TK 141

Đoàn Văn Tuấn

	31/12/2015 VND	10/02/2015 VND
	-	381.457.000
	8.192.862.624	29.877.085.580
	-	29.877.085.580
	4.950.000.000	-
	2.270.003.837	-
	972.858.787	-
	242.041.500	-

HẠN GIÁ
A N O

1101 7 0 F 1 11

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Thái Học, Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015

đến ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vốn chủ sở hữu

14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 10/02/2015	33.000.000.000	-	-
Lãi trong kỳ này	-	11.203.188.233	11.203.188.233
Trích lập các quỹ	-	(2.240.637.646)	(2.240.637.646)
Chia cổ tức	-	(4.950.000.000)	(4.950.000.000)
Thường ban điều hành	-	(972.858.787)	(972.858.787)
Chia lợi nhuận vượt kế hoạch cho cổ đông	-	(2.270.003.838)	(2.270.003.838)
Số dư ngày 31/12/2015	33.000.000.000	769.687.962	33.769.687.962

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	10/02/2015 VND
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11.880.000.000	11.880.000.000
Công ty CP Nông nghiệp Chiềng Sung	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty CP Giống cây trồng Nông Tín	3.206.000.000	3.206.000.000
Nguyễn Thị Hồng Thắm	864.000.000	864.000.000
Ngụy Thị Hương Lan	700.000.000	700.000.000
Mai Xuân Triệu	586.000.000	586.000.000
Các đối tượng khác	9.344.000.000	9.344.000.000
Cộng	33.000.000.000	33.000.000.000

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Từ 10/02/2015
đến 31/12/2015

VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp đầu kỳ	33.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	33.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	33.000.000.000
	4.950.000.000

(*) Trong năm Công ty tạm phân phối lợi nhuận theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 08/BB-HĐQT ngày 02/12/2015, việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ được đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

11 51 + 0 1 21

11 51 + 0 1 21

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Thái Học, Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015

đến ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14.4 Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu đã mua lại
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi

Từ 10/02/2015
đến 31/12/2015

Cổ phiếu

3.300.000
3.300.000
3.300.000
-
-
-
3.300.000
3.300.000
-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

14.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	10/02/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	-	560.159.412	-
Quỹ khác thuộc vốn CSH	-	896.255.059	-
Cộng	-	1.456.414.471	-
			31/12/2015
			560.159.412
			896.255.059
			1.456.414.471

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- a) **Doanh thu**
 - Doanh thu bán hàng
 - Cộng**
- b) **Doanh thu với các bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh số VIII.2**

	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 09/02/2015
	VND	VND
80.833.244.000		48.920.759.795
80.833.244.000		48.920.759.795

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Từ 10/02/2015
đến 31/12/2015

Từ 01/04/2014
đến 09/02/2015

Chiết khấu thương mại



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần về bán hàng
 Cộng

Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 09/02/2015 VND
80.661.844.000	48.745.299.795
80.661.844.000	48.745.299.795

4. Giá vốn bán hàng

Giá vốn bán hàng
 Cộng

Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 09/02/2015 VND
56.081.619.604	34.990.794.313
56.081.619.604	34.990.794.313

5. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng
 Doanh thu tài chính khác
 Cộng

Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 09/02/2015 VND
178.875.984	1.054.424.368
18.000	-
178.893.984	1.054.424.368

6. Chi phí tài chính

Chiết khấu thanh toán
 Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh
 Cộng

Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 09/02/2015 VND
1.704.259.206	648.825.392
-	66.300.000
1.704.259.206	715.125.392

7. Chi phí khác

Tiền nộp phạt thuế
 Tiền truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp
 Cộng

Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 09/02/2015 VND
40.736.830	96.163.243
-	446.246.453
40.736.830	542.409.696

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 09/02/2015 VND
--	--

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí nguyên vật liệu quản lý		32.841.900
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		
Chi phí khấu hao TSCĐ	835.024.312	271.823.505
Thuế, phí, lệ phí	581.428.430	591.726.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	33.092.000
Chi phí bằng tiền khác	182.416.986	174.813.978
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.302.289.922	927.146.960
Chi phí nhân viên	4.729.524.602	5.230.609.544
Chi phí vật liệu, bao bì	1.496.271.489	1.882.345.076
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.700.000	434.890.283
Chi phí chuyển nhượng	387.543.629	192.237.899
Chi phí bằng tiền khác	916.400.000	1.083.600.000
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	1.899.609.484	1.637.536.286
		Từ 10/02/2015
		đến 31/12/2015
		VND
Chi phí nguyên, vật liệu		41.335.418.900
Chi phí nhân công		5.808.699.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định		1.182.246.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài		5.740.476.227
Chi phí khác bằng tiền		4.994.156.818
Cộng		59.060.997.467
		Từ 10/02/2015
		đến 31/12/2015
		VND
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.203.188.233
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
+ Các khoản điều chỉnh tăng		-
+ Các khoản điều chỉnh giảm		-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		11.203.188.233
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi		784.223.176
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		3.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.157,26

VIII. Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Thái Học, Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015
đến ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Công ty CP Nông nghiệp Chiềng Sung

Công ty CP Giồng cây trồng Nha Hồ

Công ty CP Giồng cây trồng Nông Tín

Mối quan hệ

cổ đông

cổ đông

cổ đông

cổ đông

2.1. Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

a) Mua hàng

Công ty CP Giồng cây trồng Nha Hồ

Công ty CP Nông Nghiệp Chiềng Sung

b) Doanh thu bán hàng

Công ty CP Giồng cây trồng Nha Hồ

2.2. Số dư các bên liên quan

a) Phải thu khách hàng

Công ty CP Giồng cây trồng Nha Hồ

b) Phải trả người bán

Công ty CP Nông Nghiệp Chiềng Sung

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 09/02/2015 của Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam đã được kiểm toán đồng thời được điều chỉnh theo Quyết định phê duyệt số 2421/QĐ-BNN-QLDN ngày 25/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo tài chính tại thời điểm Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần. Và, như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 09/02/2015 được phân loại, trình bày lại. Riêng Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 09/02/2015 không so sánh được với số liệu kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	09/02/2015		
	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Các khoản phải thu khác			
Phải thu ngắn hạn khác	381.457.000	(381.457.000)	

HÀ NỘI

11/12/2015

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Thái Học, Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015

đến ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả ngắn hạn khác	-	30.258.542.580	30.258.542.580
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.070.122.406	(19.070.122.406)	-
Vốn góp của chủ sở hữu	-	33.000.000.000	33.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	20.031.558.430	(20.031.558.430)	-
Quỹ đầu tư phát triển	6.347.980.499	(6.347.980.499)	-

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Thắm



Giám đốc

Trần Thẩm Tuấn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 4791 quyền: 01 SC 1/BS

Ngày: 27 -12- 2016

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Nhân

